

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên năm 2026
- Tên gói thầu: Gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên năm 2026.
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên. Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, Phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn 01 túi hồ sơ
- Nguồn vốn: Nguồn thu từ hoạt động hợp pháp của Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I năm 2026
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Yêu cầu nhà thầu mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. ***Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn*** so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.
 - Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:
 - (1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
 - (2) Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.
 - (3) Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.

- (4) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
 (5) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
 (6) Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo;
 (7) Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất
 (8) Các yếu tố tương đương khác (nếu có)

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo các mẫu sau:

+ **Bảng đáp ứng tính pháp lý hàng hóa (file word/excel đính kèm E-HSMT):**

TT	Tên hàng hóa	Tên thương mại tham khảo (lưu ý tên hàng hóa theo Số lưu hành TTBYT)	Ký mã hiệu / Nhân mác sản phẩm	Tên nhà sản xuất, Xuất xứ	Chủ sở hữu (nếu có)	Quy cách đóng gói của hàng hóa dự thầu	Phân loại thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP	Số lưu hành của TTBYT hoặc GPNK (nếu có)	Giấy phép bán hàng (nếu có)	Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE,... (Ghi rõ ngày hết hạn)	Thông tin kê khai giá (nếu có) / niêm yết giá (nếu có)	Tài liệu sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Theo HSMT	Tên hàng hóa TTBYT là theo Số lưu hành TTBYT.	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Nêu rõ hàng hóa được phân loại nào kèm theo số văn bản pháp lý như sau: - Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B - Hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D - Hoặc Bảng phân loại TTBYT A, B, C, D	Theo hàng hóa thực tế (do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp)	Ghi rõ đầy đủ toàn bộ quá trình: Tên cụ thể Chủ sở hữu TTBYT -> Nhà phân phối (nếu có) -> Nhà thầu	Theo hàng hóa thực tế (Ghi rõ ngày hết hạn)	Đầy đủ 2 thông tin: Giá và Thời gian hết hiệu lực (nếu có)	- Catalog, Brochure, Hướng dẫn sử dụng, ... của nhà sản xuất. - Tài liệu chứng minh của bên thứ ba

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so sánh với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (đính kèm file word/excel tại E-HSMT):

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSMT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Theo HSMT	Tên hàng hoá theo HSMT	- Tên hàng hoá theo Số lưu hành TTBYT - Model: ... - Nhà sản xuất: ...	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			- Xuất xứ: ... - Chủ sở hữu (nếu có): ...	
		Mô tả hàng hóa của E-HSMT	Mô tả hàng hóa của E-HSDT (chi tiết đáp ứng từng mục)	Dẫn chiếu từng chi tiết mô tả hàng hoá tới Trang... của Catalog/Tài liệu kỹ thuật/Mô tả hình ảnh... thuộc E-HSDT (Highlight các nội dung liên quan tới Mô tả hàng hoá trên Tài liệu dẫn chiếu)
			Tiêu chí đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn	- Tài liệu chứng minh theo hướng dẫn bên trên về “Nội hàm tương đương” - Hoặc tài liệu chứng minh một số tính năng kỹ thuật của E-HSMT đưa ra là tiêu chí không cơ bản (việc không đáp ứng không làm ảnh hưởng tới tính năng sử dụng của hàng hoá dự thầu) để Tổ chuyên gia xem xét đánh giá “Chấp nhận được”.
			Tiêu chí gây hạn chế nhà thầu (không được xem xét và đánh giá)	Tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật chỉ có duy nhất 01 nhà sản xuất đáp ứng

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
1	Bơm tiêm điện	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100% - Nguồn điện cung cấp: 220V; 50Hz đến 60Hz - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>). <p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bơm tiêm điện, kèm thiết bị phụ trợ và phụ kiện tiêu chuẩn, trong đó đã bao gồm: <p>Máy chính: 01 cái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pin sạc gắn sẵn trong máy: 01 chiếc - Dây nguồn: 01 chiếc - Khóa treo/ Kẹp cọc truyền: 01 chiếc - Bơm tiêm 10ml dùng 1 lần: 50 cái - Bơm tiêm 50ml dùng 1 lần: 50 cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng Việt, tiếng Anh

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể dùng các kích cỡ ống tiêm như sau: 5ml, 10ml, 20ml, 50ml - Có thể sử dụng xylanh của các hãng khác nhau - Độ chính xác: Sai số $\pm 2\%$ bao gồm ống tiêm theo tiêu chuẩn IEC/EN 60601-2-24 hoặc tương đương. - Tốc độ dòng chảy 0,01 – 1,200 ml/h - Tốc độ truyền nhanh tối đa 1200ml/h (sử dụng với ống tiêm 50ml) - Có chức năng khóa bàn phím khi đang truyền - Chế độ chờ/tạm dừng: Thời gian chờ/tạm dừng cài đặt lên đến 24h - Có thể điều chỉnh âm lượng chuông báo động - Bộ nhớ lưu sự kiện: 10,000 sự kiện - Gắn được vào cây truyền dịch hoặc tay ngang giường bệnh - Tự động tính tốc độ truyền theo thể tích, thời gian hoặc theo liều lượng thuốc. - Pin sử dụng: <ul style="list-style-type: none"> + Loại Pin: Lithium + Thời gian sạc đầy pin: ≥ 8 giờ khi sử dụng nguồn điện lưới và máy được tắt - Hoạt động liên tục khoảng 12 tiếng (pin mới, nạp đầy, tốc độ 5 mL/h, nhiệt độ xung quanh 25°C) - Đèn báo mức pin được hiển thị bằng 5 cột pin trên màn hình LCD. - Màn hình hiển thị: <ul style="list-style-type: none"> +Loại màn hình: LCD + Màn hình màu LCD 4,3 inch hiển thị rõ ràng.
2	Máy truyền dịch	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>). <p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy truyền dịch, kèm thiết bị phụ trợ và phụ kiện tiêu chuẩn, trong đó đã bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Sensor đếm giọt - Pin sạc gắn sẵn trong máy: 01 Cái - Dây nguồn: 01 Cái - Khóa treo: 01 Cái <p>Thông số kỹ thuật:</p>

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ truyền : 3,00 đến 300,00 mL/h (đối với dây truyền 20 giọt/mL) - 1,00 đến 100,00 mL/h (đối với dây truyền 60 giọt/mL) - Bước đặt: 1mL/h - Thể tích truyền: <ul style="list-style-type: none"> + 0,10 đến 100,00 mL (bước đặt 0,10 mL) + 100,00 đến 9999,00 mL (bước đặt 1,00 mL) - Thời gian truyền: 1 phút đến 99 giờ 59 phút (bước đặt 1 phút) - Các chế độ truyền: <ul style="list-style-type: none"> + Truyền theo tốc độ/ thể tích + Truyền theo thể tích/ thời gian + Có chế độ truyền nhanh (Bolus), có 2 chế độ - Đặt tốc độ truyền nhanh khi ấn và giữ phím: 100 đến 300 mL/h, bước đặt 100 mL/h - Đặt thể tích dịch truyền nhanh khi không cần ấn và giữ phím: <ul style="list-style-type: none"> + 0.01 đến 10 mL (bước đặt 0.01 mL) + 10 đến 100 mL (bước đặt 0.1 mL) + 100 đến 999 mL (bước đặt 1 mL) - Thời gian truyền nhanh khi không cần ấn và giữ phím: 1 giây đến 60 phút (bước đặt 1 giây) - Độ chính xác của tốc độ truyền: sai số $\pm 10\%$ - Dải hiển thị thể tích dịch đã truyền: <ul style="list-style-type: none"> + 0 đến 10 mL (bước đặt 0.01 mL) + 10 đến 100mL (bước đặt 0,1mL) + 100 đến 9999mL (bước đặt 1mL) - Màn hình hiển thị: <ul style="list-style-type: none"> + Màn hình màu LCD + Màn hình màu LCD 4,3 inch hiển thị rõ ràng.
3	Dao mổ điện	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>). <p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Máy chính (kèm dây nguồn) - 01 Bộ hướng dẫn sử dụng Anh + Việt <p>Phụ kiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bàn đạp chân : 01 cái - Tấm mát bệnh nhân: 01 cái - Bộ lưỡi dao: 01 bộ - Tay dao liền công tắc tay 2 nút bấm: 01 cái

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cắt tinh: 80W tại trở kháng 300 Om - Cắt hỗn hợp: 80W tại trở kháng 300 Om - Đông máu tiếp xúc: 50W tại trở kháng 300 Om - Đông máu lưỡng cực: 70W tại trở kháng 100 Om - Tần số chính: 1,6Mhz - Nguồn điện: AC120V or AC230V, 50Hz / 60Hz - Chế độ bảo vệ: Class I, type BF - Trọng lượng: 6 kg - Kích thước: 270 x 310 x 110 mm
4	Monitor theo dõi	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>). <p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Máy chính - 01 Bộ hướng dẫn sử dụng Anh + Việt <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hiển thị: Màn hình màu TFT 12.1 inch độ phân giải 800×600 • Theo dõi: 5 dạng sóng <ul style="list-style-type: none"> o Tốc độ quét: 6.25mm/s, 12.5mm/s, 25mm/s, 50mm/s • Chi báo: Đèn báo nguồn điện <ul style="list-style-type: none"> o Đèn báo pin o Đèn báo hiệu o Âm thanh báo động và tiếng beep QRS • Pin: Ắc-quy sạc • Sử dụng liên tục 5 giờ • Thời gian lưu trữ xu hướng: 160 giờ • Báo động: Người dùng có thể điều chỉnh giới hạn cao và thấp của báo động • Mạng: Kết nối với hệ thống theo dõi trung tâm • Bộ phận in: tích hợp, in nhiệt, 2 sóng, cỡ giấy: 50mm <ul style="list-style-type: none"> o Chế độ in: Bằng tay, khi có báo động, in trong khoảng thời gian xác định • Tốc độ in: 25mm/s, 50mm/s <p>ECG</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đạo trình: 3 đạo trình, 5 đạo trình hoặc 12 đạo trình • 5 điện cực: RA;LA;RL;LL;V hoặc R;L;N;F;C • 3 điện cực: RA;LA;LL hoặc R;L;F • Sóng ECG: 2 kênh • Tốc độ quét: 6.25mm/s, 12.5mm/s, 25mm/s, 50mm/s

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<ul style="list-style-type: none"> • Mức HR: 15~350bpm • Độ chuẩn xác: $\pm 1\%$ hoặc ± 2bpm • Resolution: 1bpm • Sóng: 5 đạo trình ECG tiêu chuẩn <p>RESP</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương pháp: Trở kháng ngực • Dải đo RR: 0-150 rpm • Độ chính xác: ± 2rpm <p>SpO2</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dải đo: 0-100% • Độ chính xác: 2%(70-100%) • Dải mạch đập: 0~254 bpm • Độ chính xác của nhịp mạch: ± 1 bpm <p>Nellcor SpO2 (tùy chọn)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dải đo: 0~100% • Độ phân giải: 0.01% • Độ chính xác: $\pm 2\%$ (Người lớn, độ chuyên thấp) o $\pm 3\%$ (Trẻ sơ sinh) <ul style="list-style-type: none"> • Dải báo động: 0~100% • Nhịp mạch: Dải đo: 20~300 bpm • Độ phân giải: 1bpm • Độ chính xác: ± 3 bpm • Dải báo động: 20~300 bpm <p>NIBP</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phương pháp đo: Auto oscillation • Kiểu đo: Tâm thu, tâm trương và trung bình • Chế độ làm việc: Bằng tay/Tự động • Thời gian đo tự động: Tùy chỉnh • Đơn vị đo: mmHg/Kpa • Dải đo áp suất tâm thu: <ul style="list-style-type: none"> o Người lớn: 80-270mmHg o Trẻ em: 80-210mmHg o Trẻ sơ sinh: 60-140mmHg • Dải đo áp suất tâm trương: <ul style="list-style-type: none"> o Người lớn: 30-200mmHg o Trẻ em: 20-150mmHg o Trẻ sơ sinh: 10-110mmHg • Dải đo áp suất trung bình: <ul style="list-style-type: none"> o Người lớn: 30-220mmHg o Trẻ em: 30-160mmHg o Trẻ sơ sinh: 20-170mmHg

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<ul style="list-style-type: none"> • Độ chính xác: ± 5mmHg • Dải áp suất NIBP: 0~300 mmHg • PR từ NIBP: 40-240bpm • Bảo hộ quá áp: Hai vòng bảo hộ <p>Nhiệt độ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dải đo: 20-45°C • Resolution: 0.1°C • Độ chính xác: ± 0.1°C • Đơn vị đo: °C/F • Lưu lượng khí mẫu: 50ml/mi <p>Cấu hình tiêu chuẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> • ECG/HR · SpO2 · NIBP · RESP • Nhiệt độ · Xung mạch <p>Kích thước và trọng lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kích thước: 300mm×150mm×278mm • Trọng lượng: 2.72kg (ko bao gồm pin)
5	Kẹp kéo thai 33cm, Simpson	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở đi - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Kích thước: 33cm
6	Máy tháo lồng ruột bằng hơi	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở đi - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>). <p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Dây điện: 1 cái - Quả bóng bơm khí: 1 cái - Dây cắm: 1 cái - Thiết bị điều khiển: 1 cái - Đầu nối ống cao su: 1 cái - Ống cao su: 1 cái - Hướng dẫn sử dụng Anh + Việt: 01 Bộ <p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các mức áp lực lựa chọn trong khoang ruột: 6.7 (50mmHg) 8.(60mmHg) 9.2.(70mmHg) 10.7.(80mmHg) 12.(90mmHg) 13.3(100mmHg) 14.7(110mmHg) Kpa (Khi bơm khí vào khoang ruột người bệnh với áp lực 6.7 Kpa là có thể chuẩn đoán bệnh). • Thiết bị hiển thị áp lực trong ruột. • Khi áp lực trong khoang ruột vượt quá áp lực chọn ban đầu (1,33 Kpa) thì khí tự động xả ra. • Khi áp lực trong khoang ruột ở mức 14.7 Kpa thì máy có đèn

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<p>báo.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khi bơm khí vào đến áp lực dự định thì máy sẽ tự động dừng bơm khí. • Có thể ấn nút để điều chỉnh tốc độ khí ra và khí vào. • Kích thước máy chính: 280 x 95 x 180 mm. • Thiết bị hút khí: 280 x 95 x 180 mm. • Trọng lượng máy chính: 2 kg • Thiết bị hút khí: 1 kg. • Nguồn điện: 220 V - 50 Hz
7	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>). <p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng Anh + Việt: 01 Bộ <p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - FHR: Nhịp tim thai nhi + Bộ chuyển đổi Đa tinh thể, xung Doppler, độ nhạy cao + Cường độ < 5mW/cm² + Tần số làm việc 1.0MHz + Xử lý tín hiệu Hệ thống đặc biệt DSP + Dải đo lường 50-210bpm - Phạm vi báo hiệu + Giới hạn cao 160,170, 180,190bpm + Giới hạn thấp 90, 100, 110,120bpm + Công suất âm thanh tối đa 1.5 W - Toco + Dải đo lường 0-100 đơn vị - Nguồn điện + AC 100-240V, 50/60Hz, Pin Li-ION 8.4V - Công suất tiêu thụ < 20W - Kích thước: 295(rộng) x 240 (dài) x 73 mm (cao) - Khối lượng: 1.75kg - Đo SPO2 (tùy chọn) + Phạm vi đo lường 70%- 99% + Độ chính xác trong đo lường ±3% - Đo nhịp tim mang thai (tùy chọn) + Phạm vi đo lường 30bpm ~ 240bpm + Độ chính xác ± 2bpm - Đo NIBP (tùy chọn)

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<p>a/ NIBP –SYS (6.7 ~32.0 Kpa) (50 ~240 mmHg) b/ NIBP – DIA (3.4 ~26.6 Kpa) (25 ~200mmHg) c/ NIBP – MEAN (2.0 ~24.0 ka) (15 ~ 180mmHg)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ chính xác NIBP : $\pm 1.1\text{kPa}$ ($\pm 8\text{mmHg}$) hoặc $\pm 5\%$ của kết quả, chọn chỉ số lớn hơn - Độ sai tối đa $\pm 5\text{mmHg}$ - Độ lệch chuẩn tối đa 8mmHg - Tỷ lệ xung chính xác Sai trung bình tối đa: $\pm 2\text{bmp}$ - Độ chính xác đo $\pm 2\text{bmp}$ hoặc $\pm 5\%$ của kết quả, chọn chỉ số lớn hơn - Chế độ đo: Đo bằng tay/ Tự động
8	Bộ đặt nội khí quản có Camera	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>). <p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng Anh + Việt: 01 Bộ <p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pin 3400mAh, thời gian hoạt động > 360 phút, tuổi thọ pin > 800 lần sạc. - Đầu soi có thể tái sử dụng với 6 cỡ (D blade, MAC 2/3/4 và Millier 0/1). - Camera với 3 triệu điểm ảnh với độ phân giải là 2048 x 1536 pixels. Màn hình LCD 3 inches với độ phân giải là 960 x 480 pixels (RGB). Góc nhìn $\geq 70^\circ$. - Góc xoay màn hình trước và sau $0^\circ \sim 135^\circ$. - Góc xoay màn hình phải và trái $0^\circ \sim 275^\circ$. - Tích hợp thẻ nhớ 3 Micro SD card 32GB. - Đèn LED với công nghệ chống mờ. - Cổng type C. - Vật liệu là thép không gỉ 316 chất lượng rất cao, tiết trùng được trên 10000 lần hoặc phụ thuộc việc sử dụng thực tế. - Nguồn điện sạc: 100 ~ 240V, 50/60Hz. Ngõ ra adapter sạc là 5V, 2000mA. Thời gian sạc < 4h. - Nhiệt độ hoạt động: $5^\circ\text{C} \sim 40^\circ\text{C}$.
9	Máy phân tích điện giải	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>).

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng Anh + Việt: 01 Bộ <p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên lý đo: Điện cực chọn lọc ion trực tiếp. - Thông số đo được: ít nhất là Na⁺, K⁺, Cl⁻, Ca²⁺, PH - Làm được các loại mẫu: máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu. - Thể tích hút mẫu: ≤ 150 ml đối với máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu - Dải phát hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương: <ul style="list-style-type: none"> Na⁺: 20 – 200 mmol/L K⁺: 0.5 – 15.0 mmol/L Cl⁻: 20 – 200 mmol/L Ca²⁺: 0.1 – 5.0 mmol/L Ph: 4.0 – 9.0 pH + Nước tiểu pha loãng: <ul style="list-style-type: none"> K⁺: 50 – 250 mmol/L (pre-diluted) Na⁺: 10 – 350 mmol/L Cl⁻: 10 – 350 mmol/L - Tốc độ: ≥ 60 mẫu/giờ - Độ chính xác: <ul style="list-style-type: none"> K⁺ : ± 0,2 mmol/L Na⁺: ±2,0 mmol/L Cl⁻ : ± 2,5 mmol/L Ca²⁺: ± 0.1 mmol/L Ph: ± 0.1 - Độ lặp lại: <ul style="list-style-type: none"> K⁺ : < 1,0 % Na⁺: < 1,0 % Cl⁻ : < 1,0 % Ca²⁺: < 2,0 % Ph: < 1,0 % - Khả năng lưu trữ dữ liệu: ≥ 256 kết quả bệnh nhân chứa 5 thông số. - Khả năng kết nối: kết nối LIS một chiều - Màn hình cảm ứng LCD ≥ 5 inch
10	Máy đo nhãn áp tiếp xúc dạng súng	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100%

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<p>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>).</p> <p>Yêu cầu cấu hình: Cấu hình thiết bị bao gồm: - Máy chính: 01 chiếc - Đầu đo (100 đầu): 01 hộp - Đầu chỉnh máy: 01 chiếc - Vali đựng máy: 01 chiếc - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + Việt: 01 bộ</p> <p>Chỉ tiêu kỹ thuật: - Thiết bị sử dụng công nghệ Icare Rebound hoặc tương đương bật lại - Thiết bị có chức năng phát hiện lỗi trong quá trình đo, thiết bị sẽ phát ra âm thanh kèm theo hiển thị thông báo lỗi. - Hiển thị kết quả bằng màu sắc + Màu xanh: Biểu hiện chất lượng kết quả "Tốt" + Màu vàng: Kết quả "Chấp nhận được" + Kết quả có sai lệch nhiều: dòng tin "REPEAT" màu vàng thông báo đo lại. - Phạm vi đo: ≤ 10 đến ≥ 50 mmHg - Hệ số biến thiên: $\leq 8\%$ - Đơn vị hiển thị: mmHg - Độ chính xác khi đo: $\leq \pm 1.2$ mmHg (đối với nhãn áp ≤ 20 mmHg) và $\leq \pm 2.2$ mmHg (đối với nhãn áp > 20 mmHg) - Trọng lượng: 135g chưa lắp pin và 230g đã lắp 4 pin AA</p>
11	Máy Điện Xung Trị Liệu (4 kênh độc lập)	<p>Yêu cầu chung: - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>).</p> <p>Yêu cầu cấu hình: - Máy chính: 01 cái - Cáp nguồn: 01 cái - Điện cực cao su 60 x 85 mm : 08 cái - Túi điện cực 60 x 85 mm : 08 cái - Điện cực cao su 50 x 50 mm : 08 cái - Túi điện cực 50 x 50 mm : 08 cái - Dây buộc điện cực 1000 mm: 04 cái - Dây buộc điện cực 600 mm: 04 cái - Cáp ngõ ra 2 kênh : 02 cái - Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ</p> <p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p>

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<p>Nguồn cung cấp: 230Vca, 50-60 Hz + 10%</p> <p>Công suất tiêu thụ tối đa: 75 VA</p> <p>Cầu chì: 315 mA - T - 5 x 20 mm</p> <p>Màn hình hiển thị: Màn hình màu 320x240 Pixel chức năng chạm và cuộn</p> <p>Thời gian điều trị: 1 – 60 phút</p> <p>Cấp an toàn (93/42/CEE): IIB</p> <p>25 dạng sóng</p> <p>Chế độ hoạt động: Điện áp ổn định, dòng điện ổn định</p> <p>Dòng cao áp: Vi dòng</p> <p>Chế độ chẩn đoán điện: Có</p> <p>Ngõ ra: 4 kênh riêng biệt</p> <p>Cường độ dòng liên tục: Lên đến 50 mA</p> <p>Cường độ dòng động lực: Lên đến 70 mA</p> <p>Dòng xung đỉnh : Lên đến 100 mA</p> <p>Công suất đỉnh: 100 V</p> <p>Cảnh báo quá tải – ngắn mạch: Có</p> <p>Tự động đảo cực – đảo cực bằng tay: Có</p> <p>Chương trình trị liệu mẫu: 63</p> <p>Chương trình có thể lưu vào bộ nhớ máy: 200</p> <p>Đường cong I/T có thể lưu vào bộ nhớ máy: 100</p> <p>Chương trình có thể lưu trên thẻ nhớ : 50</p> <p>Đường cong I/T có thể lưu vào trên thẻ nhớ: 20</p> <p>Tự động cảnh báo tiếp xúc: Có</p> <p>Dòng điện cung cấp: Trung tần và thấp tần, đường cong I/T</p> <p>Có thể kết nối với siêu âm: Có</p> <p>Có thể kết nối với giác hút: Có</p> <p>Khả năng cập nhật phần mềm: Có</p> <p>Trọng lượng : 6.2 kg</p> <p>Kích thước : 39 x 14 x 30 cm</p>
12	Siêu âm điều trị (1 đầu phát)	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>). <p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Cấp nguồn: 01 cái - Đầu dò siêu âm điều trị đa tần (1/ 3MHz) khu vực chiếu 5 cm²: 01 cái - Giá đỡ đầu dò: 01 cái

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<p>- Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ</p> <p>Chỉ tiêu kỹ thuật: Nguồn cung cấp: 230Vca, 50-60 Hz + 10% Công suất tiêu thụ : 65 VA Cầu chì : 2 A - T - 5 x 20mm Màn hình hiển thị: Màu 320x240 chức năng chạm và cuộn Thời gian điều trị : Lên đến 30 phút Nhóm an toàn điện theo tiêu chuẩn EN 60601-1: I/ BF Cấp an toàn (93/42/CEE): IIB Độ bảo vệ chất lỏng : IPXO Tần số đầu phát : 1 MHz và 3 MHz ± 15% Chu kỳ nhiệm vụ có thể điều chỉnh: (10 – 100) % Tần số chu kỳ nhiệm vụ có thể điều chỉnh: (10 – 100) Hz Công suất đỉnh chế độ xung: từ 0.1 đến 3W/cm² Công suất đỉnh chế độ liên tục: 0.1 đến 2W/cm² Ngõ ra: 1 kênh Giao thức có thể được lưu trữ trong thẻ thông minh: 200 Giao thức có thể được lưu trữ trong bộ nhớ người dùng: 200 Trọng lượng : 4.2 kg Kích thước: 39 x 14 x 30 cm</p>
13	Máy điều trị điện từ trường (2 kênh độc lập)	<p>Yêu cầu chung: - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>).</p> <p>Yêu cầu cấu hình: Máy điều trị điện từ trường: 01 cái - Máy chính: 01 - Cấp nguồn: 01 - Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ - Cầu chì: 2 x 3.15 A - T - Vòng từ dùng thử từ: 01 - Thẻ thông minh: 01</p> <p>Chỉ tiêu kỹ thuật: Nguồn cung cấp : 230Vca, 50-60 Hz + 10% Công suất tiêu thụ : 30 VA Cầu chì : 2 x 630 mA-T Màn hình hiển thị : Graphic bw 320x240 DPI touch&scroll Thời gian điều trị : 1 – 99 phút Tần số điều chỉnh từ : 1 – 100Hz Cường độ từ trường cực đại: 100 Gauss + 20% Nhóm an toàn điện : 1 BF type</p>

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<p>Cấp an toàn (93/42/CEE) : IIB Độ bảo vệ chất lỏng : IPXO Công nghệ từ trường hội tụ Có Ngõ ra 2 kênh Chương trình trị liệu mẫu 81 Chương trình có thể lưu thêm vào bộ nhớ máy 200 Chương trình mẫu trên thẻ nhớ 200 Khả năng kết nối với nhiều dạng đầu từ khác nhau Có Khả năng bảo vệ ngắn mạch Có Điều chỉnh độ rộng xung từ 10% đến 100% Có Trọng lượng 3.5 kg Kích thước 39 x 14 x 30 cm</p>
14	Máy trị liệu áp lực khí	<p>Yêu cầu chung: - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>).</p> <p>Yêu cầu cấu hình: Cấu hình cơ bản: - Máy chính: 01 - Cặp túi khí bao chi chân: 01 - Công tắc cầm tay: 01 - Ống nối khí: 02 - Tấm kích thích chân: 01 cặp - Bọc chân: 01 cặp - Dây nguồn: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ</p> <p>Chỉ tiêu kỹ thuật: 1. Chế độ hoạt động: màn hình kỹ thuật số, điều khiển bằng nút bấm, dễ sử dụng. 2. Khối lượng: Khối lượng tịnh $\leq 4\text{Kg}$, thuận tiện cho nhân viên y tế sử dụng bất cứ lúc nào 3. Phụ kiện cốt lõi: Sử dụng máy bơm không khí nhập khẩu chính hãng và cảm biến áp suất có độ chính xác cao để kiểm soát áp suất và đạt được sự ổn định áp suất chính xác trong khoảng. 4. Số lượng khoang túi khí: túi khí 4 khoang một bên, 8 khoang hai bên, túi khí, tiêu chuẩn trang bị túi khí đôi chi dưới (4 khoang), 2 túi khí 4 khoang có thể bơm hơi cùng lúc, có thể lựa chọn để điều trị một chi hoặc hai chi 5. Phạm vi áp suất: 0kPa ~ 27kPa (0mmHg ~ 203mmHg), theo bước 1kPa, để đạt được quy định áp suất chính xác. 6. Điều chỉnh áp suất: Sử dụng công nghệ thu thập dữ liệu để</p>

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<p>nhanh chóng xác định giá trị áp suất và sử dụng núm vặn chiết áp để điều chỉnh áp suất nhanh, dễ vận hành.</p> <p>7. Bỏ qua áp suất bằng 0: Ở những vùng có vết thương hoặc chống chỉ định điều trị bằng áp lực, bạn có thể chọn tắt áp suất túi khí tại vị trí đó.</p> <p>8. Thời gian điều trị: cài đặt tự do từ 1 phút đến 99 phút, mặc định là 20 phút khi bật.</p> <p>9. Lời nhắc và cảnh báo: được trang bị chức năng nhắc nhở bảo vệ quá áp</p> <p>10. Chức năng giảm áp tự động: Khi đạt đến ngưỡng, nguồn điện đột ngột bị cắt hoặc quá trình điều trị bị gián đoạn, túi khí có thể tự động giảm áp.</p> <p>11. Chức năng bảo vệ an toàn: Được trang bị công tắc chức năng khẩn cấp, có thể thực hiện dừng khẩn cấp trong trường hợp khẩn cấp. Công tắc khẩn cấp có thể được sử dụng mà không cần lắp thêm pin.</p> <p>11. Điều trị yên tĩnh: Độ ồn khi sử dụng thiết bị không vượt quá 60dB(A).</p> <p>12. Theo dõi áp suất: Mô-đun phát hiện áp suất tích hợp, giám sát áp suất theo thời gian thực trong điều kiện làm việc.</p> <p>13. Báo động tự động: Khi thiết bị gặp sự cố sẽ có chức năng nhắc nhở báo động.</p>
15	Hệ thống kéo giãn cột sống lưng cổ	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương (<i>Đối với máy chính</i>). <p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 Chiếc - Dây nguồn: 01 Cái - Thiết bị dừng khẩn cấp: 01 Cái - Dây đai vùng ngực: 01 Cái - Dây đai vùng lưng: 01 Cái - Dây đai kéo cổ: 01 Cái - Thanh gá lắp dùng trong kéo cổ: 01 Cái - Giường cố định tại Việt Nam : 01 Cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 Bộ <p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn cung cấp: 100 - 120V AC/ 220-240V AC - Tần số: 60/50Hz - Dòng: 1.2A (100-120V)/0.6A (220- 240V) - Công suất tiêu thụ: 150 VA max

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu về cấu hình, đặc tính thông số kỹ thuật của hàng hoá (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)
		<ul style="list-style-type: none"> - Lực kéo: tối đa 91 Kg, tối thiểu 2kg - Tự động điều chỉnh lực kéo - Màn hình hiển thị: Lực kéo thực tế/ lực kéo cài đặt sẵn - hiển thị quá trình thay đổi lực kéo - Tốc độ kéo: Liên tục, liên tục và tùy chỉnh - Chương trình kéo: Liên tục, ngắt quãng và hỗn hợp - Thời gian kéo: 1 - 99 phút ($\pm 2\%$) - Trọng lượng: 11.4 Kg - Kích thước: 310mm x 280mm x 260mm <p>Giường 3 khúc Khung sườn sắt sơn tĩnh điện , nệm bọc simily, chia làm 3 khúc KT: 200x60x65cm Thiết bị bao gồm: Khung giường., bọc kê chân, bộ đai kéo cột sống lưng, đai cố định thân trên, 2 trụ tròn chặn nách Bộ gá đầu kéo máy, trượt ra vào, có trụ thay đổi góc kéo. Có thêm 1 cái hộp nhỏ dưới giường để linh kiện</p>

Yêu cầu khác (áp dụng cho tất cả hàng hóa kể trên)

- Thời gian giao hàng: ≤ 60 ngày
- Nhà thầu có trách nhiệm khảo sát mặt bằng để hoàn thiện điều kiện thi công lắp đặt máy (*các chi phí không liên quan tới điều kiện cơ sở vật chất do nhà thầu chịu trách nhiệm*).
- Lắp đặt, Đào tạo, hướng dẫn sử dụng tại đơn vị sử dụng.
- Thời gian bảo hành: theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất nhưng tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa.
- Bảo trì định kỳ theo tiêu chuẩn nhà sản xuất, tối thiểu 02 lần/năm.
- Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu phải có khả năng đáp ứng trong vòng 48 giờ.
- Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất
- Có cam kết cung cấp phụ tùng và linh kiện thay thế theo model thiết bị đã dự thầu, trong vòng: 08 năm.

1.3. Các yêu cầu khác

*** Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:**

Đối với toàn bộ hàng hóa:

- Có Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật khác của Nhà sản xuất có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa chào thầu

(Nếu là ngôn ngữ nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt) có đầy đủ nội dung chứng minh thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa tham dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT và chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch). Đồng thời, nhà thầu **cần đánh dấu (Highlight) thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT.**

Đối với hàng hóa là Thiết bị y tế: Nộp thêm các tài liệu sau.

- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA hoặc tương đương của nhà sản xuất còn hiệu lực với các mặt hàng tham dự.

- Số lưu hành còn hiệu lực bao gồm Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B do Sở Y tế cấp hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D do Bộ Y tế cấp và Kết quả phân loại thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ.

Lưu ý:

- Trong trường hợp Nhà thầu chứng minh hàng hóa chào thầu không phải là Thiết bị y tế (*Thiết bị phòng thí nghiệm hoặc thiết bị thí nghiệm dùng trong y tế hoặc thiết bị phụ trợ dùng cho y tế*) thì Nhà thầu không cần nộp Số lưu hành và Kết quả phân loại thiết bị y tế cho hàng hóa đó.

- Hàng hóa dự thầu đã được kê khai giá (Đối với hàng hóa bắt buộc kê khai giá theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03/11/2024 của Bộ Y tế) hoặc niêm yết giá Thiết bị y tế theo Khoản 9 & 10, Điều 1, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và cam kết giá bán không cao hơn giá kê khai hoặc giá niêm yết theo Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024.

- Nhà thầu có cam kết tại thời điểm đối chiếu tài liệu hoặc hoàn thiện hợp đồng: Nhà thầu phải nộp các tài liệu chứng minh **khả năng cung ứng hàng hóa có nguồn gốc rõ ràng và hợp lệ**, nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật theo quy định về “Điều kiện ký kết hợp đồng” tại Khoản 2 Điều 66 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15. Trường hợp Nhà thầu không thể cung cấp tài liệu chứng minh, Nhà thầu sẽ không đủ điều kiện xét trúng thầu theo hướng dẫn tại Khoản 19 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với yêu cầu lắp đặt, giao hàng, tuổi thọ của hàng hóa: Cam kết tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai, nguyên kiện theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.

- Lưu ý: Khi bàn giao hàng hóa, tất cả hồ sơ giấy tờ của sản phẩm phải gồm 03 bản, được đóng thành 03 quyển, Hồ sơ chứng từ phải là Bản gốc hoặc

bản sao có chứng thực của cơ quan có chức năng phù hợp với quy định của pháp luật, trường hợp đối với tài liệu không công chứng được theo quy định (Như chứng từ nhập khẩu) thì nhà thầu phải đóng dấu xác nhận của nhà nhập khẩu và cam kết tài liệu là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu nhà thầu cung cấp; đối với tài liệu không phải là tiếng Việt nhà thầu cung cấp kèm bản dịch thuật hợp pháp sang tiếng Việt của đơn vị, cơ quan có chức năng.

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải kiểm định theo yêu cầu của Nhà nước Việt Nam, nhà thầu phải cho tiến hành kiểm định và cung cấp đầy đủ chứng chỉ kiểm định trước khi giao hàng. Chi phí kiểm định do nhà thầu chịu

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Việc kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa được yêu cầu sẽ được tổ chức tại Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên; Địa chỉ: 567 Lê Duẩn, Phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk. Hàng hóa nhà thầu cung cấp trước khi được nghiệm thu sẽ được bên mời thầu kiểm. Bất cứ hàng hóa nào không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT và E-HSDT sẽ không được nghiệm thu.